

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Phúc

Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 459/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 16-4-1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh ngày 01-02-1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện xin ly hôn, Tờ tự khai ngày 14-11-2024 và Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28-02-2025, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ D trình bày:

+Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn T kết hôn vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh An Giang số 181, ngày 09-12-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay bà

nhận thấy không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông Lê Văn T.

+Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Huỳnh Phương T1, sinh ngày 30-10-2008 và Lê Huỳnh Anh T2, sinh ngày 30-4-2015, hiện bà đang nuôi con. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Lê Văn T, nhưng ông T vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 09-01-2025 Tòa án đến nhà để ghi lời khai của ông Lê Văn T nhưng ông T vắng mặt tại nhà. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại Tờ tự khai ngày 08-01-2025, cháu Lê Huỳnh Phương T1 trình bày: Cháu đang sống với mẹ, cháu đang đi làm công nhân tại khu công nghiệp B, huyện C, tỉnh An Giang. Cha cháu bỏ mẹ con cháu 1 năm nay rồi, cha không về thăm cháu. Nếu cha mẹ cháu Ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại Tờ tự khai ngày 08-01-2025, cháu Lê Huỳnh Anh T2 trình bày: Cháu đang sống với mẹ, cháu được đi học, cháu đang học lớp 4 trường tiểu học C, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Cha cháu bỏ mẹ con cháu 1 năm nay rồi, cha không về thăm cháu. Nếu cha mẹ cháu Ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung giao bà D tiếp tục nuôi dưỡng; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn bà D, bị đơn ông T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; nguyên đơn bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ Điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] *Về hôn nhân:* Bà Võ Thị Mỹ D và ông Lê Văn T kết hôn vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh An Giang số 181, ngày 09-12-2013 theo quy định tại Điều 9 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Bà D có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa bà D và ông T, nhưng ông T nhiều lần vắng mặt không tham gia hòa giải. Do đó, Tòa án không hòa giải được.

Xét thấy: Quá trình chung sống giữa bà D và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Quá trình tố tụng Tòa án tạo điều kiện cho bà D và ông T hàn gắn lại tình cảm nhưng ông T đều không tham gia. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà D được ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung*: Bà D và ông T có 02 con chung, hiện bà D đang nuôi con. Khi ly hôn ông T không có ý kiến gì về việc nuôi con.

Xét thấy cháu T1 đã trên 16 tuổi, cháu T2 đã trên 9 tuổi; cả 2 cháu đều có nguyện vọng sống với bà D. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao bà D được tiếp tục nuôi con.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà D trình bày không có, ông T không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007854 ngày 14-11-2024 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn bà D, bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: Bà Võ Thị Mỹ D được ly hôn với ông Lê Văn T.

[2] *Về con chung*: Bà Võ Thị Mỹ D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Huỳnh Phương T1, sinh ngày 30-10-2008 và Lê Huỳnh Anh T2, sinh ngày 30-4-2015

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con được thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007854 ngày 14-11-2024 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ D, bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà